TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13-4-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Tú và anh Việt

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – NINH BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tống Thị Kim Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Tỉnh

Bà Nguyễn Phương Ly

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Trần Văn Kiên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình tham gia phiên toà***: Bà Trần Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2026/TLST-HNGĐ ngày 26-02-2026 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03-4-2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Dung T, sinh ngày 04/10/2000; số căn cước công dân: 036300002347; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số nhà B ngõ A, phường N, tỉnh Ninh Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc V, sinh ngày 26/9/1997; số căn cước công dân: 036097000652; nơi đăng ký thường trú: Số nhà B ngõ A, phường N, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Số nhà C đường T, phường N, tỉnh Ninh Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình nộp ngày 26-02-2026, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Dung T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Dung T và anh Nguyễn Quốc V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 28 tháng 10 năm 2020. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Vợ chồng không tìm được biện pháp khắc phục mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay, mỗi người một nơi và không còn trách nhiệm gì với nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Quốc V.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Trần Khánh V1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 12-6-2021; số định danh cá nhân 036321006486 và Nguyễn Trần Khánh V2 (giới tính: Nữ), sinh ngày 05-9-2023; số định danh cá nhân 036323014477. Hiện nay, các con đang do anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Do điều kiện khó khăn về chỗ ở nên ly hôn chị T nhất trí giao hai con chung cho anh V được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh V không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, chị T cũng nhất trí.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai nộp ngày 04-3-2026, trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Quốc V trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc V và chị Trần Thị Dung T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 28 tháng 10 năm 2020. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên đã chuyển đi nơi khác sinh sống. Sau đó, chị T quay trở về nhưng vợ chồng không tìm được biện pháp khắc phục mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay, mỗi người một nơi và không còn trách nhiệm gì với nhau. Nay chị T có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh V cũng đồng ý ly hôn và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Trần Khánh V1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 12-6-2021; số định danh cá nhân 036321006486 và Nguyễn Trần Khánh V2 (giới tính: Nữ), sinh ngày 05-9-2023; số định danh cá nhân

036323014477. Hiện nay, các con đang do anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh V tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh V xác định vợ chồng không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 23-3-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình, đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị Trần Thị Dung T và anh Nguyễn Quốc V có thời gian chung sống tại địa phương và đã xảy ra mâu thuẫn. Địa phường không rõ nguyên nhân mâu thuẫn, hiện nay anh V và chị T không còn sống chung. Vợ chồng có hai con chung, hiện nay anh V đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nay chị T có đơn xin ly hôn với anh V, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật và đều có đơn xin được giải quyết vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xử ly hôn giữa chị Trần Thị Dung T và anh Nguyễn Quốc V. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Trần Khánh V1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 12-6-2021; số định danh cá nhân 036321006486 và Nguyễn Trần Khánh V2 (giới tính: Nữ), sinh ngày 05-9-2023; số định danh cá nhân 036323014477 cho anh Nguyễn Quốc V trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chấp nhận sự tự nguyện của anh V không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T và anh V có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Trần Thị Dung T và bị đơn là anh Nguyễn Quốc V đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng

khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Dung T và anh Nguyễn Quốc V có tổ chức hôn lễ và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 28 tháng 10 năm 2020 nên hôn nhân giữa chị T và anh V là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị T, anh V và tài liệu thu thập tại chính quyền địa phương xác định quá trình chung sống, chị T và anh V đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh V và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Anh V có quan điểm nhất trí ly hôn và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Điều đó chứng tỏ anh V không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh V ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa chị T và anh V theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung:

Căn cứ lời khai của chị T, anh V và bản sao Giấy khai sinh của con chung xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Trần Khánh V1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 12-6-2021; số định danh cá nhân 036321006486 và Nguyễn Trần Khánh V2 (giới tính: Nữ), sinh ngày 05-9-2023; số định danh cá nhân 036323014477. Mặc dù, cháu Nguyễn Trần Khánh V2 chưa đủ 36 tháng tuổi nhưng chị T xác định sau khi ly hôn hoàn cảnh của chị khó khăn về chỗ ở nên tự nguyện giao con cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay, các con chung đang sống cùng anh V. Vì vậy, xét nguyện vọng của anh V và chị T và cũng để ổn định tâm sinh lý của con chung, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung khi bố mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử sẽ giao hai con chung cho anh Nguyễn Quốc V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Quốc V không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị T và anh V đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị Trần Thị Dung T là nguyên đơn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị Dung T và anh Nguyễn Quốc V.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Trần Khánh V1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 12-6-2021; số định danh cá nhân 036321006486 và Nguyễn Trần Khánh V2 (giới tính: Nữ), sinh ngày 05-9-2023; số định danh cá nhân 036323014477 cho anh Nguyễn Quốc V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Quốc V không yêu cầu chị Trần Thị Dung T cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Trần Thị Dung T và anh Nguyễn Quốc V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Dung T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Trần Thị Dung T đã nộp tại biên lai số

0000815 ngày 26-02-2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị Trần Thị Dung T đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Dung T, anh Nguyễn Quốc V có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6. *Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Trần Thị Dung T và anh Nguyễn Quốc V có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7 – Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND P. Nam Định, tỉnh Ninh Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tống Thị Kim Phượng